

Phong trào đấu tranh chính trị của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Quảng Nam – Đà Nẵng, giai đoạn 1954-1960

Văn Nam Thắng

Học viện Chính trị khu vực III

Email liên hệ: vannamthang999@gmail.com

Tóm tắt: Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), cùng với phong trào đấu tranh chung của nhân dân Quảng Nam – Đà Nẵng, phong trào đấu tranh chính trị của đồng bào các dân tộc thiểu số Quảng Nam – Đà Nẵng đã diễn ra hết sức sôi nổi, góp phần vào thắng lợi chung của đấu tranh chính trị ở địa phương. Bài viết này tập trung nghiên cứu phong trào đấu tranh chính trị của đồng bào các dân tộc thiểu số Quảng Nam – Đà Nẵng trong giai đoạn 1954-1960, qua đó góp phần nhận thức rõ hơn vai trò của đồng bào các dân tộc thiểu số trong đấu tranh chính trị ở Quảng Nam – Đà Nẵng.

Từ khóa: Đấu tranh chính trị, Quảng Nam – Đà Nẵng, dân tộc thiểu số

The political movement of ethnic minorities in Quang Nam - Da Nang in the period 1954-1960

Abstract: During the resistance war against the US to save the country (1954-1975), accompanied with the general struggle movement of the people in Quang Nam - Da Nang, the political struggle movement of the ethnic minorities in Quang Nam - Da Nang took place extremely encouraging, contributing to the overall victory of Quang Nam - Da Nang political struggle. This paper concentrates on the political movement of ethnic minorities in Quang Nam - Da Nang in the period 1954-1960, contributing to a better awareness of Quang Nam – Da Nang's political struggle in general and the role of ethnic minorities in particular.

Keywords: Political struggle, Quang Nam - Da Nang, ethnic minorities

Ngày nhận bài: 01/08/2019

Ngày duyệt đăng: 01/10/2020

1. Đặt vấn đề

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975), cùng với phong trào đấu tranh chung của nhân dân Quảng Nam – Đà Nẵng, phong trào đấu tranh chính trị của đồng bào các dân tộc thiểu số Quảng Nam – Đà Nẵng đã diễn ra hết sức sôi nổi, góp phần vào thắng lợi chung của đấu tranh chính trị Quảng Nam – Đà Nẵng. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu về chủ đề này còn chưa tiếp cận, khai thác một cách đầy đủ nhiều cuộc đấu tranh chính trị của đồng bào các dân tộc thiểu số Quảng Nam – Đà Nẵng. Do vậy, nghiên cứu một cách đầy đủ và hệ thống phong trào đấu tranh chính trị của đồng bào các dân tộc thiểu số Quảng Nam – Đà Nẵng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ là hết sức cần thiết. Bài viết này giới hạn trong việc tìm hiểu phong trào đấu tranh chính trị của đồng bào các dân tộc thiểu số Quảng Nam – Đà Nẵng giai đoạn 1954-1960.

2. Chính sách của Mỹ, chính quyền Sài Gòn và chủ trương của Đảng bộ địa phương

Miền núi phía Tây Quảng Nam – Đà Nẵng, là khu vực có địa hình rất hiểm trở, bao gồm các huyện Giồng, Hiên, Phước Sơn, Trà My và một bộ phận các huyện Hòa Vang, Đại Lộc, Quế Sơn, Thăng Bình, Tam Kỳ. Cư trú ở khu vực này, ngoài một bộ phận nhỏ người Kinh, còn lại là dân tộc thiểu số Cotu, Giẻ - Triêng, Ve, Cor, Xơ đăng, Bhnoong, Cadong. Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), đồng bào các dân tộc thiểu số đã đóng góp rất lớn cho cách mạng, vùng núi phía Tây đã trở thành tuyến hành lang chiến lược nối chiến trường Khu V với các chiến trường Trị Thiên, Tây Nguyên, Hạ Lào, Đông Bắc Campuchia. Mở đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, trong lúc chính quyền Sài Gòn tập trung đánh phá lực lượng cách mạng ở đồng bằng và trung du, vùng núi phía Tây đã trở thành nơi đứng chân của cán bộ, đảng viên, đồng bào các dân tộc thiểu số tiếp tục góp của, góp công nuôi dưỡng lực lượng cách mạng; đồng thời còn là địa bàn chiến lược trong việc tổ chức lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị của Khu V, của Quảng Nam – Đà Nẵng.

Nhận thức được vị trí chiến lược của vùng núi phía Tây Quảng Nam – Đà Nẵng, trong giai đoạn 1954-1960, Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm tìm mọi cách xâm nhập vùng núi, tiến tới xác lập quyền thống trị ở khu vực này. Thời gian đầu, họ tiến hành bao vây, ngăn chặn con đường giao lưu buôn bán giữa miền núi và đồng bằng. Từ tháng 7-1956 sau khi đặt bộ máy chính quyền ở một số xã vùng thấp như Pui, Dốc (Trà My), Thạnh Mỹ (Giồng), Phước Gia, Phước Hiệp, Phước Trà (Phước Sơn), chính quyền Sài Gòn từng bước tiến lên vùng trung và vùng cao. Chính quyền Sài Gòn lập ra “*Nha công tác miền Thượng*”, tổ chức nhiều đoàn “*Bình định*”, “*Quân chính*”, “*Công dân vụ*” dưới danh nghĩa hoạt động “*xã hội*”, “*dân vận*”, “*thân thiện*” tỏa lên vùng trung, vùng cao, trong âm mưu đẩy lực lượng cách mạng ra khỏi dân, lập chính quyền đồn dân, ngăn chặn sự giao lưu miền núi và đồng bằng. Chúng đóng thêm các đồn Bót Xít (Bến Giồng), Ca Xăh, A Lâu, ATép (Bến Hiên) và một số đồn dã chiến đóng rải rác ở Trà My và Phước Sơn.

Nắm rõ âm mưu của chính quyền Sài Gòn, ngay sau Hiệp định Genève kí kết, Ban Cán sự miền Tây Quảng Nam – Đà Nẵng đã có chủ trương nhằm chỉ đạo kịp thời đối với phong trào đấu tranh của nhân dân miền núi phía Tây. Tháng 8-1954, Ban Cán sự miền Tây triệu tập Hội nghị cán bộ chủ chốt của các huyện miền núi tại xã Quế Thọ (Quế Sơn). Hội nghị quyết định giải thể Ban Cán sự miền Tây và thành lập Đoàn Cán bộ miền Tây với nhiệm vụ trước mắt là ổn định tình hình nhân dân, phân tán các kho muối, lương thực, nông cụ dự trữ trong rừng trước khi địch đến.

Tháng 3-1955, hội nghị Đoàn Cán bộ miền Tây được tổ chức ở làng Rô (xã Cà Dy, huyện Giồng). Hội nghị đề ra chủ trương lãnh đạo nhân dân toàn miền Tây đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp. Đối với đồng bào các dân tộc, Hội nghị chủ trương vận động đồng bào vận dụng các phong tục tập quán địa phương để đấu tranh nhằm hạn chế sự lũng đoạn của địch, với phương châm đấu tranh có lý, có lợi, có chừng mực (Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Giồng, 1989, tr. 180-181).

3. Diễn biến đấu tranh chính trị của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Quảng Nam – Đà Nẵng giai đoạn 1954-1960

Dưới sự lãnh đạo của Đoàn Cán bộ miền Tây, các huyện ủy, đồng bào các dân tộc thiểu số đã sử dụng các hình thức đấu tranh linh hoạt nhằm làm thất bại những âm mưu của chính

quyền Sài Gòn, đồng thời, đấu tranh từng bước đẩy lùi các tập tục lạc hậu, góp phần phát triển kinh tế, văn hóa.

Thời gian đầu, chính quyền Sài Gòn tìm cách xâm nhập thông qua mua chuộc lái buôn và dùng họ đưa hàng hóa lên trao đổi với đồng bào để thăm dò tình hình cách mạng, song đồng bào các dân tộc thiểu số đã triệt để bất hợp tác với chúng bằng cách không mua hàng hóa, không đi đường cũ, mở đường mới để đi,... Khi chính quyền Sài Gòn tung lực lượng từ vùng thấp lên các xã vùng cao để kiểm soát nhân dân và truy bắt cán bộ, đảng viên, đồng bào khéo léo sử dụng tập quán kiêng cử để không cho địch vào làng, đặt chông thò khắp nơi ngăn chặn địch, phao tin có “giặc mùa” để uy hiếp chúng. Ở những thôn có quân đội Sài Gòn đóng quân, ban đêm dân làng nổi trống, mõ, la thanh, mang theo giáo mác tập trung lại để đối phó với “giặc mùa”, binh lính quân đội Sài Gòn khiếp sợ, tìm cách rút lui. Bằng những hình thức này, các cuộc hành quân “Thượng du vận” của chính quyền Sài Gòn bị đồng bào làm thất bại (Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Nam, 2001, tr. 28).

Trước sự phát triển của phong trào cách mạng, cuối năm 1957, chính quyền Sài Gòn thực hiện âm mưu dồn dân vào khu hành chính Thạnh Mỹ (huyện Giăng) để kìm kẹp, trước hết là dân làng Pa Dương. Trước âm mưu của chính quyền Sài Gòn, khi chúng tập trung đồng bào về Thạnh Mỹ để xây dựng khu dồn dân, các đảng viên cơ sở đã bàn với đồng bào chỉ để một bộ phận đi theo chúng xây dựng khu dồn dân, một bộ phận vào rừng xây dựng làng bí mật, những người còn lại lo thu hoạch mùa màng chuyển lên làng bí mật. Trong lúc bộ phận bị bắt đi làm cho địch cố tình kéo dài thời gian xây dựng khu dồn dân, đồng bào Pa Dương đã hoàn thành việc xây dựng làng bí mật và chuyển các thứ cần thiết lên đó. Khi khu dồn dân đã hoàn thành, địch đang xúc tiến thực hiện việc dồn dân, Đoàn Cán bộ miền Tây chủ trương vận dụng phương châm “lấy dọa dẫm chống dọa dẫm”, tổ chức cho quần chúng bám sát các cuộc hành quân của quân đội Sài Gòn, tiếp xúc bình thường với chúng, dùng phong tục tập và ưu thế của núi rừng để hù dọa như: “Không được đến làng”, “Không được đến nương rẫy”, “Không được bắt dân đi nơi khác”, nếu không nghe “sẽ bị bỏ ngoài” về xuôi ốm đau chết. Nhờ những biện pháp này, binh lính của chính quyền Sài Gòn không dám lùng sục, không dám thu giáo mác,... (Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Nam, 2001, tr. 37).

Đêm 31-11-1957, chính quyền Sài Gòn đưa một đại đội lên bao vây làng Pa Dương, sáng sớm hôm sau, binh lính Sài Gòn dùng vũ lực đe dọa buộc dân làng tập trung về sân làng rồi bắt dân làng mang theo những thứ thiết yếu về khu hành chính Thạnh Mỹ. Sau vài ngày, đồng bào yêu cầu chúng phải cho một số người về làng lấy công cụ và lương thực. Lợi dụng cơ hội đó, một thanh niên đã trốn thoát, anh băng rừng tìm gặp Huyện ủy báo cáo tình hình. Huyện ủy quyết định thành lập đội vũ trang đầu tiên của huyện, hoạt động dưới hình thức “giặc mùa” để kịp thời hỗ trợ đồng bào đấu tranh. Đội du kích gồm 10 người được trang bị ná và tên tẩm thuốc độc. Sau một tuần tập luyện, đội vũ trang bắt đầu hoạt động để uy hiếp địch ở khu hành chính Thạnh Mỹ. Trong đó, đội đã táo bạo phục kích bên sông nhằm tiêu diệt trưởng khu hành chính Nguyễn Tấn Xung (mặc dù không thành công). Cùng ngày hôm đó, 15 thanh niên làng Pa Dương trốn khỏi khu dồn của địch. Bị uy hiếp tinh thần, Nguyễn Tấn Xung phải bỏ khu hành chính chạy về đồng bằng (Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Giăng, 1989, tr. 223).

Tháng 2-1958, được sự giúp đỡ của đồng bào làng Dung và làng Cha Đó (huyện Bến Giằng), 60 thanh niên làng Pa Dương trốn khỏi khu dồn dân đi theo cách mạng. Chính quyền Sài Gòn đưa lính từ đồng bằng lên uy hiếp những người còn lại. Chúng bắt ông Bổng, đại diện đồng bào ở khu dồn dân tra khảo về việc để đồng bào bỏ trốn rồi ném ông lên xe chở về đồng bằng, bà Bnhương nằm ngay trước xe chặn lại, dịch đe dọa cho xe nghiêng xác, bà kiên quyết *"Hđhí chềêt cầhdứ"* (Nghĩa là: một tắc không đi, một li không rời). Sau đó, cuộc đấu tranh ở khu dồn dân Thạnh Mỹ vẫn tiếp tục. Thấy việc dồn dân không thu được kết quả gì, chính quyền Sài Gòn buộc phải để đồng bào Pa Dương trở về làng cũ (Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Giằng, 1989, tr. 216-234).

Tháng 5-1958, nhân dân vùng cao huyện Bến Hiên tổ chức "giặc mùa" lập các tổ công tác bí mật, lợi dụng những đêm tối trời bao vây đồn Hiên, bắn tên nhang bụi nhùi lửa đốt cháy đồn địch. Đồng bào phao tin, người vùng cao xuống làm "giặc mùa" và vin vào có đó không cho chúng vào làng. Đồng bào thôn Cà Năng dựa vào có "mắc cở" từ chối đi phu làm đường 14 và vận chuyển đồ đạc phục vụ cho các cuộc hành quân của chính quyền Sài Gòn. Nhân dân làng Luôn cấm chông, thò quanh làng, buộc chúng phải đóng quân ngoài rừng, chúng muốn đi đâu phải báo cho dân biết. Nhiều nơi nhân dân còn đánh lạc hướng chỉ nơi đặt chông thò để hù dọa chúng. Ở Pa Thố, một trung đội địch lên đóng đồn kiểm soát dân, nhưng bị nhân dân cô lập, bất hợp tác, một tháng sau chúng phải rút quân về đồng bằng (Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam – Đà Nẵng, 2006, tr.411).

Kết hợp với xâm nhập miền núi, Mỹ và chính quyền Sài Gòn tiến hành các hành động tuyên truyền xuyên tạc nhằm lôi kéo đồng bào tin và đi theo chúng. Tuy nhiên, với tinh thần giác ngộ cách mạng và niềm tin vào Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng bào các dân tộc thiểu số đã khéo léo đấu tranh làm thất bại âm mưu của chúng. Bên cạnh đó, âm mưu dụ dỗ đồng bào vào Thiên Chúa giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm cũng bị đồng bào huyện Giằng làm thất bại bằng những lí lẽ sắc bén: *"Ông bà, tổ tiên người dân tộc sống ở núi rừng, chết cũng quần quanh với rừng, với núi. Con cháu bây giờ nếu theo Chúa, chết lên thiên đàng, phải xa ông bà thì nhớ lắm, buồn lắm"* (Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Giằng, 1989, tr. 183). Có thể thấy, từ cuối năm 1956 đến cuối năm 1958, chính quyền Sài Gòn dùng nhiều thủ đoạn khủng bố đàn áp, lừa bịp để lập tế, kim kẹp đồng bào miền núi, nhưng bằng đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang quần chúng với nhiều hình thức phong phú, đồng bào đã làm thất bại âm mưu của chính quyền Sài Gòn. Mặc dù, có nơi chúng lập được chính quyền, đóng được đồn bót, nhưng chúng vẫn không nắm được dân, căn cứ miền núi của Quảng Nam – Đà Nẵng và Khu V vẫn được củng cố và ngày càng phát triển.

Việc xóa dần các hủ tục lạc hậu và tham gia học tập văn hóa đã giúp cho đồng bào miền núi phía Tây đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa. Nhiều nơi, đồng bào thành lập các tổ làm chung, ăn chung để giúp nhau phát triển sản xuất và tạo điều kiện thuận lợi đóng góp cho cách mạng. Trước yêu cầu của cuộc kháng chiến, đồng bào các dân tộc thiểu số đã huy động mọi nguồn lực đóng góp cho cách mạng, *"trung bình đóng góp nửa sản lượng thu hoạch được. Có người góp hai phần ba, ... Gia đình năm lao động góp 200 ang. Có gia đình sau khi thu hoạch chỉ giữ lại ít ang cho trẻ con, người già, còn thì ăn mòng mòng để lúa góp cho cách mạng"* (Ban Tuyên giáo thành ủy Đà Nẵng, 1957, tr. 11). Đồng bào thi đua sản xuất với khẩu hiệu: *"Tăng gia sản"*

xuất, đánh giặc giữ làng". Tất cả các rẫy được đặt tên "rẫy cách mạng", "rẫy đoàn kết", "rẫy độc lập", "rẫy nhớ Bác Hồ", "rẫy mong thống nhất" (Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng, 2006, tr. 400). Tài liệu chính quyền Sài Gòn (Tòa Tỉnh trưởng Quảng Nam, 1958, tr.2) viết: "tại vùng thượng du nhiều rừng rẫy được mệnh danh 'rẫy cách mạng', gần các rẫy có những gian nhà dựng dưới những gốc cây che khuất trong rừng rậm. Sau mỗi đợt công tác, các đội vũ trang cũng như cán bộ chính trị đều tập trung về vùng này để tăng gia sản xuất".

Tháng 6-1959, Tỉnh ủy Quảng Nam tổ chức hội nghị tại Bà Ghì (Bến Giằng), nhằm học tập quán triệt Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương và xác định nhiệm vụ của Quảng Nam – Đà Nẵng trong thời gian đến là đẩy mạnh xây dựng miền núi thành căn cứ địa cách mạng, móc nối xây dựng lại cơ sở đồng bằng, rút thanh niên đồng bằng lên căn cứ xây dựng lực lượng vũ trang, tiến hành diệt ác, phá kim, khôi phục phong trào đấu tranh của nhân dân.

Tháng 8-1959, Tỉnh ủy Quảng Nam quyết định thành lập Ban Quân sự tỉnh, tiếp theo là các Ban Quân sự huyện Bến Hiên, Bến Giằng, Phước Sơn và Trà My ra đời. Mỗi huyện miền núi thành lập một trung đội địa phương người dân tộc, vũ khí được trang bị gồm một số ít của anh em từ miền Bắc đưa vào, còn lại là trang bị vũ khí thô sơ tự tạo. Từ đây, miền núi Quảng Nam – Đà Nẵng có lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị được tổ chức chặt chẽ, hỗ trợ nhau hoạt động đấu tranh với chính quyền Sài Gòn,... Nổi bật là cuộc nổi dậy của nhân dân làng ông Tía, huyện Phước Sơn vào ngày 13-3-1960.

Làng ông Tía thuộc xã Phước Nhan, ở vùng thấp huyện Phước Sơn, dưới chân núi Vin, phía Bắc giáp đường 16 nối liền với chi khu Hiệp Đức, phía Nam là sông Trà Nô và nương rẫy của dân làng. Quanh làng có nhiều núi cao, rừng rậm như nước Ưng, nước Bình; ngược dòng Trà Nô đi nửa ngày đường có một thung lũng hẹp cây cối rậm rạp, địa hình hiểm trở, địch chưa bao giờ đến được đây. Làng ông Tía có 30 gia đình, 125 nhân khẩu, sống chung trong một ngôi nhà dài, truyền thống của đồng bào (Thường vụ Tỉnh ủy và Bộ Chỉ huy Quân sự Quảng Nam – Đà Nẵng, 1988, tr. 31). Tại đây, cách mạng xây dựng được tổ cơ sở cốt cán, xây dựng được mười một đội viên tự vệ chiến đấu, có nhiệm vụ vận động quần chúng theo dõi nắm tình hình liên lạc với cấp trên. Dân làng bí mật vót chông thò, xây dựng làng bí mật ở sâu trong núi và chuyển tài sản và giấu trong rừng,... Đầu năm 1960, chính quyền Sài Gòn đưa một tiểu đoàn cộng hòa lên đánh phá vùng thấp huyện Phước Sơn. Ngoài các đồn bót cũ, dọc đường 16, chúng rải quân ra các làng ông Tía, ông Viên, ông Điều, ông Nuông,... Mỗi thôn có từ 2 tiểu đội đến 1 trung đội. Chúng thiết lập cơ quan hành chính của làng, xây dựng cơ quan làm việc trên mồm đồi cao cách làng ông Tía 20m, chung quanh có bờ rào bao bọc. Đây thực chất là một vị trí đóng quân để giám sát kìm kẹp quần chúng nhằm đánh phá phong trào cách mạng. Để đề phòng dân nổi dậy, chúng thu hết giáo mác, tên nỏ của đồng bào. Trước hành động của chính quyền Ngô Đình Diệm, rạng sáng ngày 13-3-1960, khi địch nghỉ canh gác, ra sân tập thể dục, có người bỏ cơ quan vào bếp nói chuyện với dân, các chiến sĩ tự vệ đồng loạt xông vào dùng rựa tiêu diệt địch, thu súng. Chớp lấy thời cơ, nhân dân làng ông Tía nổi dậy đốt phá cơ quan chính quyền địch, kéo nhau vào rừng sâu sống bất hợp tác với chúng.

Đến địa điểm mới nhân dân triển khai bố phòng, cắm chông quanh làng, dựng thò, gài bẫy đá, ngã cây rào đường, cải tạo địa hình, xây dựng thể trận chuẩn bị chiến đấu. Một số tự vệ được phân công ở lại theo dõi phản ứng của địch để có biện pháp đối phó kịp thời. Sau 10 giờ,

lực lượng địch từ làng ông Điều sang, thấy cảnh tượng làng ông Tía, chúng hoảng sợ bắn loạn xạ vào rừng và rút chạy về Hiệp Đức. Ngày 18-3-1960, địch cho một đại đội càn vào làng ông Tía, đốt sạch nhà cửa, phá hết hoa màu trên rẫy, nhưng khi phát triển sâu vào hướng làng mới, chúng bị đập chông, bị các giàn thò phóng ra làm nhiều tên chết và bị thương, chúng phải rút lui (Thường vụ Tỉnh ủy và Bộ Chỉ huy Quân sự Quảng Nam – Đà Nẵng, 1988, tr. 35-36).

Cuộc khởi nghĩa làng ông Tía đã thu được thắng lợi nhanh gọn và có ảnh hưởng lan rộng. Đây là cuộc nổi dậy đầu tiên của quần chúng ở miền núi và của cả Quảng Nam – Đà Nẵng. Cuộc khởi nghĩa làng ông Tía tuy quy mô không lớn nhưng là *“một điển hình thành công về đường lối, phương châm của Đảng kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tạo nên sức mạnh quật khởi của quần chúng, tiêu diệt binh lính địch, thành lập chính quyền cách mạng ở cơ sở”* (Thường vụ Tỉnh ủy và Bộ Chỉ huy Quân sự Quảng Nam – Đà Nẵng, 1988, tr. 136).

Bị thất bại ở làng ông Tía, từ tháng 6-1960, chính quyền Sài Gòn tăng cường mở các cuộc hành quân càn quét, kết hợp lòng sục đốt phá bản làng với mục đích bao vây kinh tế, gây cho cách mạng nhiều khó khăn. Tài liệu chính quyền Sài Gòn (Tòa Hành chính tỉnh Quảng Nam, 1960, tr. 5) viết: *“Ngày 4-8-1960, một chiến dịch Thượng vận toàn diện trên bốn quận thượng du là Thường Đức, Hiếu Đức, Hậu Đức, Hiệp Đức được mở. Mục đích là tìm kiếm và tiêu diệt những cơ sở của Việt Cộng,...”*. Song đồng bào các dân tộc đã lợi dụng địa thế hiểm trở của rừng núi, với sự đồng tâm, đồng lòng của đồng bào, bất hợp tác với chính quyền Sài Gòn, nhất tề đứng lên đấu tranh, kết hợp với sử dụng vũ khí thô sơ chông, thò, cạm bẫy, tên nã,... đã liên tục gây cho chúng nhiều thiệt hại.

4. Một số nhận xét

Một là, phong trào đấu tranh của đồng bào các dân tộc thiểu số Quảng Nam – Đà Nẵng diễn ra dưới nhiều hình thức và nội dung phong phú. Về hình thức đấu tranh, đồng bào khéo léo sử dụng những phong tục, tập quán của dân tộc mình kết hợp với dùng lý lẽ giản dị nhưng sắc bén để làm thất bại các âm mưu của địch. Chẳng hạn khi chính quyền Sài Gòn thực hiện chính sách “thượng vận” với âm mưu cô lập và tiến tới tiêu diệt lực lượng cách mạng ở đây, đồng bào các dân tộc ở đây đã đấu tranh với nhiều hình thức như “lấy dọa dẫm chống dọa dẫm”, dân vùng cao huyện Bến Hiên tổ chức “giặc mùa”, đồng bào thôn Cà Nẵng dựa vào cơ “mắc cửi” từ chối đi phu làm đường 14 và vận chuyển lương thực, vũ khí phục vụ hành quân của quân đội Sài Gòn. Đồng thời, trong một số trường hợp, đồng bào bước đầu kết hợp sức mạnh của lực lượng quần chúng đông đảo với sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang. Về nội dung, bên cạnh đấu tranh chống xâm nhập, tuyên truyền xuyên tạc chia rẽ và áp đặt bộ máy thống trị, đồng bào còn tích cực đấu tranh loại bỏ hủ tục lạc hậu, phát triển kinh tế, văn hóa.

Hai là, phong trào đấu tranh chính trị của đồng bào các dân tộc thiểu số Quảng Nam – Đà Nẵng giai đoạn 1954-1960 diễn ra rất quyết liệt. Với sự hỗ trợ của đồng bào làng Dung, làng Cha Đó, đồng bào ở làng Pa Dương đấu tranh quyết liệt chống lại âm mưu của chính quyền Sài Gòn, điển hình là tấm gương của bà Bhnưoch, khi chống bà bị đưa lên xe chở về đồng bằng bà đã nằm ngay trước xe chặn lại, quân đội Sài Gòn dọa cho xe nghiêng xác, bà kiên quyết *“Hđhí chêêt cãnhứr”* (một tắc không đi, một li không rời).

Ba là, đấu tranh chính trị song phong trào của đồng bào các dân tộc thiểu số Quảng Nam – Đà Nẵng giai đoạn 1954-1960 đã góp phần quan trọng vào sự phát triển của cách mạng ở địa bàn Quảng Nam – Đà Nẵng nói riêng và trên cả nước nói chung. Mở đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, trong lúc chính quyền Sài Gòn tập trung đánh phá phong trào cách mạng ở đồng bằng và trung du, vùng núi phía Tây đã trở thành nơi đứng chân của cán bộ đảng viên; đồng bào các dân tộc thiểu số tiếp tục góp của, góp công nuôi dưỡng lực lượng cách mạng cho toàn tỉnh và khu V. Đánh giá về phong trào đấu tranh của các dân tộc thiểu số, báo cáo của Tỉnh ủy Quảng Nam (tháng 1-1960) khẳng định: “Phong trào miền núi thực tế mới xây dựng trong những năm gần đây, nhưng đã có những chuyển biến lớn và ngày càng trở thành chỗ dựa vững chắc cho phong trào chung toàn tỉnh, có tác dụng hết sức quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ chung của cách mạng hết sức to lớn hiện nay” (Tỉnh ủy Quảng Nam – Thành ủy Đà Nẵng, 1997, tr.59).

5. Kết luận

Nhìn lại lịch sử giai đoạn 1954-1960, cho thấy đồng bào các dân tộc thiểu số Quảng Nam – Đà Nẵng đã có những đóng góp lớn cho cách mạng Quảng Nam – Đà Nẵng nói riêng và sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam nói chung. Trong lúc phong trào cách mạng ở đồng bằng và trung du gặp nhiều khó khăn, phong trào đấu tranh của đồng bào các dân tộc thiểu số đã góp phần to lớn trong việc giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng. Trong suốt giai đoạn 1954-1960, miền núi Quảng Nam – Đà Nẵng về cơ bản vẫn giữ được thế an toàn, trở thành nơi nuôi dưỡng và hoạt động của hàng nghìn cán bộ, đảng viên, nơi ra đời và phát triển của lực lượng vũ trang tỉnh. Qua đó gợi mở về việc phát huy vai trò của đồng bào các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong bối cảnh hiện nay.

Tài liệu tham khảo

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Nam. (2001). *Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Quảng Nam*, tập 2, (1954-1975). Nxb Quân đội Nhân dân. Hà Nội.

Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Giăng. (1989). *Những sự kiện lịch sử Đảng bộ huyện Giăng 1858-1975*. Nxb Đà Nẵng.

Hội đồng biên soạn Lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến. (1995). *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 – 1975*. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội.

Khu 5 – 30 năm chiến tranh giải phóng. (1989). *Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (thời kỳ 1954-1968)*, tập II. Bộ Tư lệnh Quân khu 5.

Những ý kiến bổ sung của đ/c Lộc (Hà Sang) vào bản tường thuật về tình hình miền Tây Quảng Nam từ 1954 đến 1960 của đ/c Nguyễn Ngọc Đĩnh. Lưu tại Ban Tuyên giáo thành ủy Đà Nẵng. Phòng nghiên cứu Lịch sử Đảng. Ký hiệu tài liệu G-V-51.

Thường vụ Tỉnh ủy và Bộ Chỉ huy Quân sự Quảng Nam – Đà Nẵng. (1988). *Quảng Nam – Đà Nẵng 30 năm chiến đấu và chiến thắng*, tập 2. Nxb Quân đội Nhân dân. Hà Nội.

Tỉnh ủy Quảng Nam – Thành ủy Đà Nẵng. (1997). *Những ngày giữ lửa – khởi đầu cuộc dựng xây lịch sử giữa nhân dân ta với đế quốc Mỹ trên địa bàn Quảng Nam – Đà Nẵng 1954-1959*. Nxb Đà Nẵng.

Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng. (2006). *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam – Đà Nẵng (1930-1975)*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.

Tòa Hành chính tỉnh Quảng Nam. (1960). Tờ trình trích yếu kế hoạch bình định (Ấn ngữ hoạt động đối phương tỉnh Quảng Nam). Trung tâm lưu trữ Quốc gia IV. Ký hiệu hồ sơ: TNTP 2388.

Tòa Tỉnh trưởng Quảng Nam. (1958). Biên bản Hội nghị Quận trưởng ngày 4-7-1958. Trung tâm lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu hồ sơ: ĐII/243.